

Số: /GPMT-STNMT

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Xét hồ sơ kèm theo văn bản số 02/2024/BS-GĐ đề ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông lâm sản và Phân bón Bà Rịa về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông lâm sản và Phân bón Bà Rịa (Mở rộng bến cảng Baria Serece) tại phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông lâm sản và Phân bón Bà Rịa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông lâm sản và Phân bón Bà Rịa (Mở rộng bến cảng Baria Serece) tại phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông lâm sản và Phân bón Bà Rịa (Mở rộng bến cảng Baria Serece).

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 3500101153 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp (đăng ký lần đầu ngày 27/01/1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 11/02/2020). Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4370744041 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng

Tàu chứng nhận lần đầu ngày 27/01/1993 và chứng nhận điều chỉnh lần thứ 20 ngày 19/9/2023; Văn bản số 11021/BGTVT-KHĐT ngày 24/10/2022 của Bộ Giao thông Vận tải về việc chủ trương nghiên cứu mở rộng, nâng cấp Đoạn cầu cảng B (phía hạ lưu) - cầu cảng số 1 Bến cảng Phú Mỹ - Bà Rịa Serece và văn bản số 4494/SKHĐT-ĐT ngày 04/12/2023 của Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc dự án đầu tư của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông lâm sản và Phân bón Bà Rịa (Baria - Serece).

1.4. Mã số thuế: 3500101153.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng và khai thác cảng trên sông Thị Vải.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích đất của dự án: 246.785,5 m<sup>2</sup>.

- Công suất: Cầu cảng tiếp nhận tàu có trọng tải đến 100.000DWT, quy mô công suất xuất nhập hàng của dự án khoảng 9.000.000 tấn hàng hóa/năm.

*(Các thông tin về dự án đầu tư nêu trên căn cứ theo nội dung mô tả trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án; Chủ dự án chịu trách nhiệm về những thông tin, số liệu đã nêu trong báo cáo này; thực hiện tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.)*

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông lâm sản và Phân bón Bà Rịa

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông lâm sản và Phân bón Bà Rịa có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách

nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.**

*(từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2034)*

*(Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường)*

**Điều 4.** Giao Phòng Quản lý môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Phú Mỹ tham mưu tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông lâm sản và Phân bón Bà Rịa;
  - Bộ TN&MT (b/c);
  - UBND tỉnh (b/c);
  - BGĐ Sở TNMT (b/c);
  - Các sở: KHĐT, GTVT, XD;
  - Công an tỉnh;
  - UBND thị xã Phú Mỹ;
  - Phòng TNMT thị xã Phú Mỹ;
  - Trung tâm phục vụ hành chính công;
  - Trung tâm CNTT TN&MT
- (đăng trên cổng thông tin điện tử của Sở);*
- Lưu: VT, QLMT(Q).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đặng Sơn Hải**

## Phụ lục 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-STNMT ngày ..... tháng ..... năm 2024 của  
Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)*

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

##### 1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (bao gồm nước xám và nước đen) từ khu căn tin.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt (bao gồm nước xám và nước đen) từ khu vực văn phòng.
- Nguồn số 03: Nước thải rửa thiết bị (xe máy nông sản, hàng hóa,...) phát sinh từ khu vực bãi rửa xe.

##### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Thị Vải thuộc khu vực phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

##### 2.2. Vị trí xả nước thải

- Địa chỉ: Bến cảng Baria Serece, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Tọa độ điểm xả giám sát nước thải: tại hố ga giám sát trong ranh dự án trước khi đầu nối xả ra sông Thị Vải: X = 1170882,85; Y=420925,65 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục  $107^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

- Tọa độ điểm xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận nước thải: tại sông Thị Vải trong ranh dự án thuộc phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: X = 1170872,67; Y=431973.2 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục  $107^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

- Điểm xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận nước thải phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $40 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .

##### 2.3.1. Phương thức xả nước thải

Nước thải sau xử lý → Đường ống thoát nước thải → sông Thị Vải.

Phương thức xả thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục (24 giờ), xả liên tục trong năm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B,  $K_q = 1,0$ ,  $K_f = 1,2$ ), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B), Kq = 1,0 , Kf = 1,2	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH		5,5 đến 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	60		
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	120		
4	COD	mg/l	180		
5	Tổng dầu mỡ khoáng,	mg/l	12		
6	Tổng nitơ	mg/l	48		
7	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	7,2		
8	Asen	mg/l	0,12		
9	Thủy ngân	mg/l	0,012		
10	Chì	mg/l	0,6		
11	Cadimi	mg/l	0,1 2		
12	Crom (VI)	mg/l	0,12		
13	Crom (III)	mg/l	1,2		
14	Đồng	mg/l	2,4		
15	Kẽm	mg/l	3,6		
16	Niken	mg/l	0,6		
17	Mangan	mg/l	1,2		
18	Sắt	mg/l	6		
19	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
20	Tổng phenol	mg/l	0,6		
21	Coliform	vi khuẩn/100ml	5000		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Mạng lưới thu gom nước thải và nước mưa sạch được tách biệt với nhau.

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (bao gồm nước xám và nước đen) từ khu căn tin được thu gom qua bể tách mỡ trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án công suất 40 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt (bao gồm nước xám và nước đen) từ khu vực văn phòng được dẫn về bể tự hoại để xử lý sơ bộ trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án công suất 40 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Nguồn số 03: Nước thải rửa thiết bị (xe máy nông sản, hàng hóa,...) phát sinh từ khu vực bãi rửa xe được thu gom và xử lý sơ bộ bằng Cụm bể lắng cát và tách dầu mỡ gần khu vực HTXLNT sau đó dẫn vào Bể điều hòa trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án công suất 40 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải khu bãi rửa xe → Bể tách cát - Hồ thu gom → Bể tách dầu 1 → Bể tách dầu 2 → Bể điều hòa của HTXLNT tập trung.

+ Nước thải sinh hoạt → Hồ thu gom → Bể tách rác và lắng cặn 1 → Bể tách rác và lắng cặn 2 → Bể điều hòa (*tiếp nhận thêm nước thải từ bãi rửa xe sau khi xử lý sơ bộ bằng Cụm bể tách cặn và dầu*) → Hộp kiểm soát lưu lượng → Bể phân ly rắn lỏng → Thiết bị hợp khối FRP → Hồ ga quan trắc nước thải → Nguồn tiếp nhận (sông Thị Vải).

- Công suất thiết kế: 40 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Hóa chất khử trùng TCCA 70% (C<sub>3</sub>H<sub>3</sub>N<sub>3</sub>O<sub>3</sub>Cl<sub>3</sub>) dạng viên nén, men vi sinh, ri mật đường.

**1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:** Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

## 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Không.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tại hệ thống xử lý nước thải

a) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên theo dõi và kiểm tra chất lượng nước đầu ra của hệ thống xử lý nước thải, bảo đảm nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn quy định.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc xử lý, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Các máy móc, thiết bị đều có dự phòng để phòng trường hợp hư hỏng cần sửa chữa như: máy bơm, máy thổi khí...

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ nhật ký vận hành hàng ngày.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải.

- Trường hợp có sự cố lớn, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường phải lập tức thông báo tới cơ quan quản lý nhà nước về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.

b) Quy trình phòng ngừa, ứng phó sự cố

Khi phát hiện nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường. Nhân viên vận hành khóa van xả thải và mở van sự cố để dẫn nước thải không đạt quy chuẩn về các bể thu gom, bể điều hòa, bể tách rác 1 và 2 của Hệ thống với tổng thể tích 47 m<sup>3</sup> để lưu chứa

tạm thời khoảng 24 giờ. Đồng thời, thông báo cho bộ phận quản lý biết để điều tra nguyên nhân và khắc phục sự cố, bao gồm các hoạt động:

- Tạm thời thông báo ngừng sử dụng nước tại một số khu vực không cần thiết có phát sinh nước thải cho đến khi hệ thống được khắc phục.

- Tiến hành kiểm tra hệ thống để xác định nguyên nhân; kiểm tra hệ thống bơm định lượng hóa chất.

- Trường hợp hệ thống hoạt động quá tải, cần bảo đảm các nguồn phát sinh nước thải có chứa hóa chất khử trùng, hóa chất tẩy rửa, dầu mỡ có lưu lượng phát sinh thấp và đủ khả năng pha loãng với các dòng nước thải khác trước khi đầu nối về hệ thống xử lý nước thải.

- Tiến hành sửa chữa, thay thế nếu phát hiện hư hỏng thiết bị.

- Thực hiện kiểm tra chất lượng nước thải đầu vào bằng các bộ test nhanh để phát hiện các chỉ tiêu ô nhiễm cao bất thường. Khi phát hiện sự cố do nước thải đầu vào có nồng độ các chất ô nhiễm cao, tiến hành các bước sau:

- + Dựa trên kết quả phân tích để điều chỉnh chế độ vận hành, thời gian lưu nước và liều lượng hóa chất phù hợp với chất lượng nước thải đầu vào.

- + Kiểm tra hoạt động của hệ vi sinh trong các bể xử lý sinh học.

- + Kiểm tra, bổ sung tuần hoàn bùn hoạt tính vào khoang đệm sinh học, khoang điều hòa để bảo đảm duy trì mật độ vi sinh trong bể; bảo đảm hiệu quả xử lý các chất hữu cơ trong nước thải.

- + Lấy mẫu nước thải sau từng công đoạn xử lý của Hệ thống xử lý nước thải để kiểm tra hiệu quả xử lý của từng công đoạn và chất lượng nước thải sau xử lý cho tới khi khắc phục xong sự cố.

- Sau khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định trở lại. Nước thải được bơm trở về lại bể điều hòa để tiếp tục xử lý. Tiến hành vận hành ổn định hệ thống và tiến hành lấy mẫu, phân tích chất lượng nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn xả thải mới tiến hành xả thải ra môi trường. Định kỳ kiểm tra chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống. Chỉ xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận khi đạt Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, Kq = 1,0, Kf = 1,2).

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

### **2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm**

Không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

### **2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm**

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 40 m<sup>3</sup>/ngày.

#### **2.2.1. Vị trí lấy mẫu quan trắc**

- Đầu vào: tại hố thu gom hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt có tọa độ: X = 1170902,82; Y = 421119,17 và tại hố thu gom hệ thống xử lý nước thải rửa xe, thiết bị có tọa độ: X = 1170899,50; Y = 421119,14 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107<sup>o</sup>45', múi chiếu 3<sup>o</sup>).

- Đầu ra: tại hố ga giám sát trong ranh dự án trước khi đầu nối xả ra sông Thị Vải: X = 1170882,85; Y = 420925,65 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107<sup>o</sup>45', múi chiếu 3<sup>o</sup>).

- Thông số quan trắc: *Lưu lượng* và tất cả các thông số nêu ở bảng tại mục 2.2.2 sau đây.  
2.2.2. *Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm*

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B), Kq = 1,0 , Kf = 1,2
1	pH		5,5 đến 9
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	60
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	120
4	COD	mg/l	180
5	Tổng dầu mỡ khoáng,	mg/l	12
6	Tổng nitơ	mg/l	48
7	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	7,2
8	Asen	mg/l	0,1 2
9	Thủy ngân	mg/l	0,01 2
10	Chì	mg/l	0,6
11	Cadimi	mg/l	0,1 2
12	Crom (VI)	mg/l	0,1 2
13	Crom (III)	mg/l	1,2
14	Đồng	mg/l	2,4
15	Kẽm	mg/l	3,6
16	Niken	mg/l	0,6
17	Mangan	mg/l	1,2
18	Sắt	mg/l	6
19	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
20	Tổng phenol	mg/l	0,6
21	Coliform	vi khuẩn/100ml	5000

### 2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, việc quan trắc nước thải do chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý nước thải.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thực hiện thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường, đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này và biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, bảo đảm không xả nước thải vượt giá trị giới hạn cho phép ra môi trường.

3.2. Bảo đảm bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất,... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của dự án; có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Phối hợp với cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi triển khai dự án để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm. Tự chịu trách nhiệm đối với nội dung kế hoạch vận hành thử nghiệm và toàn bộ quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Vị trí xây dựng hệ thống xử lý nước thải phải bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

3.5. Trồng cây xanh xung quanh hệ thống xử lý nước thải theo quy định; đồng thời, thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, không gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xung quanh.

3.6. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**Phụ lục 2**  
**CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI**  
**TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-STNMT ngày ..... tháng ..... năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)*

**1. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung**

Tiếng ồn và độ rung phải được kiểm soát, giảm thiểu bảo đảm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

**2. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Biện pháp kỹ thuật khi lắp đặt: xây dựng phòng đặt máy hợp lý, nền móng đặt máy phải được gia cố bằng bê tông có chất lượng cao; lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su, lò xo giảm chấn,... Ngoài ra, các phòng đặt thiết bị gây ồn cần ốp, lót các vật liệu có khả năng hấp thụ tốt âm thanh.

- Biện pháp quản lý và bảo trì: các máy phát điện phải được kiểm tra và hiệu chỉnh trước khi sử dụng, bảo trì định kỳ và tra dầu mỡ để hạn chế tiếng ồn.

- Trồng nhiều cây xanh xung quanh khu vực dự án và khu vực phát sinh tiếng ồn.

**Phụ lục 3**

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-STNMT ngày ..... tháng ..... năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Trạng thái tồn tại</b>	<b>Khối lượng (tấn/năm)</b>	<b>Mã chất thải</b>	<b>Ký hiệu phân loại</b>
1	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	147	08 02 04	KS
2	Bùn thải có chứa thành phần nguy hại từ các quá trình vệ sinh các thiết bị tại khu rửa xe và HTXLNT 40m <sup>3</sup> /ngày đêm	Rắn	25.078	12 06 05	NH
3	Bộ lọc dầu	Rắn	476	15 01 02	NH
4	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	206	16 01 06	NH
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	207	16 01 12	NH
6	Dầu thủy lực tổng hợp	Lỏng	5.375	17 01 06	NH
7	Dầu động cơ, nhớt thải	Lỏng	4.388	17 02 03	NH
8	Bao bì mềm thải (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) (*)	Rắn	447	18 01 01	KS
9	Bao bì kim loại cứng cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) (*)	Rắn	2.860	18 01 02	KS
10	Bao bì nhựa thải (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) (*)	Rắn	349	18 01 03	KS
11	Giẻ lau, bao tay dính dầu mỡ, chất hấp phụ, vật liệu lọc	Rắn	4.889	18 02 01	KS
12	Chất thải lây nhiễm	Rắn/lỏng	100	13 01 01	NH
<b>Tổng số lượng</b>			<b>44.522</b>		

**Ghi chú:** (\*) Ký hiệu KS: Chất thải công nghiệp phải kiểm soát. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020: “*Chủ nguồn thải chất thải công nghiệp phải kiểm soát có trách nhiệm phân định chất thải là chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường thông qua hoạt động lấy, phân tích mẫu do cơ sở có chức năng, đủ năng lực thực hiện theo quy định của pháp luật. Chất thải công nghiệp sau khi phân định phải được quản lý theo quy định của pháp luật*”. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại: “*tự chịu trách nhiệm về việc phân định, phân loại, xác định lượng CTNH phải khai báo và quản lý*”.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Khối lượng CTRTT trung bình (tấn/năm)
1	Dây băng tải cao su, vỏ ruột xe,...	44,2
2	Kết cấu thép, chi tiết máy, dây cáp hỏng....	
3	Rác thải từ hàng hóa rơi vãi	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>44,2</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Số lượng trung bình (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	30
	<b>Tổng cộng</b>	<b>30</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

**2.1.1. Thiết bị lưu chứa**

- Thùng chứa riêng đối với từng loại chất thải, có nắp đậy được để tại kho chứa chất thải nguy hại.

- Thiết bị lưu chứa bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Thể tích: 15 m<sup>3</sup>; Thiết kế, cấu tạo: thiết kế hình khối chữ nhật, cấu tạo bằng inox, có nắp đậy kín, có biển báo.

**2.1.2. Kho lưu chứa chất thải nguy hại**

- Diện tích kho: 48 m<sup>2</sup>, gồm 9 ngăn lưu giữ tạm chất thải nguy hại khác nhau.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho được xây tường bao quanh, mái che lợp tôn, kết cấu khung thép, nền bê tông chống thấm, có gờ chống chảy tràn, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển báo dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường**

**2.2.1. Thiết bị lưu chứa**

Các thùng có nắp đậy, thùng chuyên dụng hoặc bao kín.

**2.2.2. Khu vực lưu chứa**

- Diện tích khu lưu chứa: kích thước DxR= 15x17m có diện tích 225 m<sup>2</sup> lưu giữ tạm chất thải rắn công nghiệp thông thường;

- Thiết kế, cấu tạo: Kho được xây tường bao quanh kết hợp tường di động kín, mái che lợp tôn, nền bê tông, có cửa, biển báo, khu vực được kiểm soát côn trùng định kỳ bởi đơn vị dịch vụ.

**2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng có nắp đậy, thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định.

2.3.2. Khu vực tập trung rác: Gồm 2 khu vực, có diện tích 20 m<sup>2</sup>/khu (bố trí tại khu vực bến cảng và văn phòng điều hành) .

**2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt**

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố theo quy định pháp luật.
- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu theo đúng quy định.
- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.
- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-STNMT ngày ..... tháng ..... năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (văn bản số 9000/BTNMT-MT ngày 23/10/2023 Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo văn bản số 11118/BTNMT-MT ngày 29/12/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường v/v ý kiến đối với đề xuất thay đổi, bổ sung so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

6. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Trước khi hết hạn giấy phép môi trường 06 tháng, gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.